

Số: 19/2018/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 10 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH

ĐẾN Số: 2047

Ngày 23/7/2018

Chuyển *pháp và tư pháp*

Tiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHOÁ XIV KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Công sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 21/6/2017 về việc Ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10/7/2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2018 và thay thế Nghị quyết số 27/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định về phân cấp quản

lý tài sản nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh Ủy;
- TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Bình;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình gồm:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại);

b) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của Dự án sử dụng vốn Nhà nước;

c) Thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân.

2. Các nội dung về phân cấp quản lý tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI; PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC; PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công
 - a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);
 - b) Xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác;
 - c) Các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc một lần mua sắm (một gói thầu).
2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc một lần mua sắm (một gói thầu)
3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc một lần mua sắm (một gói thầu).
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ tài sản quy định tại Điểm a Điểm b Khoản 1 Điều này có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc một lần mua sắm (một gói thầu).
5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ tài sản quy định tại Điểm a Điểm b Khoản 1 Điều này có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc một lần mua sắm (một gói thầu).

Trình tự, thủ tục mua sắm tài sản thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, đơn vị:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định thuê tài sản máy móc, thiết bị, xe ô tô và các loại phương tiện tải khác; tài sản khác để phục vụ hoạt động trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 32 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;

c) Tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 tài sản đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển các loại tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản không phải tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Tài sản điều chuyển giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

b) Tài sản điều chuyển từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh về Ủy ban nhân dân cấp huyện và tài sản của Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chuyển về các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo đề nghị của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Tài sản điều chuyển giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với nhau sau khi có sự thống nhất và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không phải tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản không phải tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc Sở Tài chính, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;

c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất không phải tài sản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/tài sản;

b) Các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 tài sản.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất không phải tài sản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 tài sản;

b) Các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 tài sản;

c) Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 tài sản.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất không phải tài sản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 tài sản;

b) Các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 tài sản của các

cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

- a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất;
- b) Xe ô tô các loại phương tiện vận tải khác;
- c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các tài sản được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại)

Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy định này.

Mục 2

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 11. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập ngoài trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

3. Thẩm quyền mua sắm tài sản công từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tài sản khác có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc một lần mua sắm (một gói thầu);

b) Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc một lần mua sắm (một gói thầu).

4. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Thẩm quyền thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập ngoài trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập ngoài trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm a Khoản 5 Điều 8 Quy định này.

2. Thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, tiêu hủy tài sản, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, tiêu hủy tài sản, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 9 Quy định này.

Mục 3

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 16. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) tại tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II Quy định này.

Điều 17. Thẩm quyền xử lý tài sản công (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại) tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy định này.

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, THU HỒI TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN CỦA ĐẢNG VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY, THÀNH ỦY, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG LÀ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THUỘC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP HUYỆN

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 3 Quy định này.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện

Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Đối với tài sản được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 5 Quy định này.

Chương IV
PHÂN CẤP THẨM QUYỀN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU
TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN
SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 21. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa;

b) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các loại phương tiện vận tải do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể;

đ) Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các loại phương tiện vận tải của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

e) Tài sản chuyển giao cho địa phương theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho cơ quan mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc trừ tài sản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền trừ tài sản quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;

c) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện trừ tài sản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quyết định tịch thu.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại thuộc thẩm quyền thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 23. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao cho Phòng tài chính Kế hoạch chủ trì quản lý trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế

Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời./.


Trần Hồng Quảng

Faint, illegible markings or text in the upper right quadrant of the page.

